

SỐ: 163 /VLG-TCKT

Hà Nội, ngày 02 tháng 08 năm 2024

V/v: Giải trình lợi nhuận sau thuế trong kỳ lãi,
chuyển từ lỗ ở báo cáo soát xét năm 2023
sang lãi ở báo cáo soát xét năm 2024

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

- 1- Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN VIMC LOGISTICS
2-Mã chứng khoán: VLG
3- Trụ sở chính: Phòng 806, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, TP.Hà Nội, Việt Nam.
4- Điện thoại: 024-35772047/48 Fax: 024-35772046
5- Giải trình biến động kết quả kinh doanh trên Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét 6 tháng đầu năm 2024 so với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét 6 tháng đầu năm 2023 như sau:

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023	Chênh lệch
Lợi nhuận sau thuế TNDN	18.458.686.604	(5.177.370.466)	23.636.057.070

Lợi nhuận sau thuế TNDN trên Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét 6 tháng đầu năm 2024 tăng 23.636 triệu đồng so với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét 6 tháng đầu năm 2023 do các nguyên nhân chính sau:

- Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 7.831 triệu đồng
- Lợi nhuận tài chính tăng 167 triệu đồng
- Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 1.827 triệu đồng
- Lợi nhuận khác tăng 20.266 triệu đồng
- Chi phí thuế TNDN tăng 2.801 triệu đồng

Trong 6 tháng đầu năm 2024, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 74.563 triệu đồng, cao hơn 6 tháng đầu năm 2023 là 7.158 triệu đồng do tăng sản lượng cung cấp dịch vụ

Lợi nhuận khác từ thanh lý tài sản, hoàn trả dự án 6 tháng đầu năm 2024 là 21.220 triệu đồng, 6 tháng đầu năm 2023 là 954 triệu đồng.

Công ty cổ phần VIMC Logistics trân trọng giải trình.

Nơi nhận

- Như trên,
- Lưu VT.

PHÓ TGD PHỤ TRÁCH
CỔ PHẦN
VIMC LOGISTICS
Đinh Thị Việt Hà

CÔNG TY CỔ PHẦN VIMC LOGISTICS
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01/01/2024 ĐẾN NGÀY 30/06/2024



Tháng 08 năm 2024

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 36

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần VIMC Logistics (Sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty đã được soát xét cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Hội đồng Quản trị

Ông Mai Lê Lợi	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Hồng Thái	Thành viên	
Ông Nguyễn Đình Tú	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 15 tháng 04 năm 2024
Ông Nguyễn Đăng Song	Thành viên	
Ông Đỗ Đức Ân	Thành viên	
Bà Dương Thu Hiền	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 15 tháng 04 năm 2024

Ban Tổng Giám đốc

Bà Đinh Thị Việt Hà	Phó TGD Phụ trách
Ông Phạm Bá Ngân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đoàn Ngọc Tú	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Hồng Dung	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 15 tháng 04 năm 2024
Bà Nguyễn Thị Hằng	Trưởng ban	Bỏ nhiệm ngày 15 tháng 04 năm 2024
Bà Dương Thu Hiền	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 15 tháng 04 năm 2024
Bà Đỗ Lan Hương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 15 tháng 04 năm 2024
Bà Nguyễn Thị Hà Trang	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 15 tháng 04 năm 2024
Bà Vũ Lan Phương	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 15 tháng 04 năm 2024

Kế toán trưởng

Bà Trần Thị Loan	Kế toán trưởng
------------------	----------------

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, tuân thủ các quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Đinh Thị Việt Hà

Phó TGD phụ trách

Hà Nội, ngày 01 tháng 08 năm 2024

Số: 753/2024/UHY-BCSX

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**
*Về Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần VIMC Logistics
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024*

**Kính gửi: Các Cổ đông; Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần VIMC Logistics**

Chúng tôi đã tiến hành soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần VIMC Logistics (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 01 tháng 08 năm 2024, từ trang 05 đến trang 36 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30/06/2024, và kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Phạm Gia Đạt

Phó Tổng Giám đốc

GCN ĐKHN kiểm toán số: 0798-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 01 tháng 08 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2024	01/01/2024
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		145.623.535.885	89.717.142.407
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	25.373.080.761	13.649.104.395
Tiền	111		25.373.080.761	13.649.104.395
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		107.225.205.121	63.879.987.908
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	56.909.892.029	56.405.839.310
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	3.492.377.495	532.732.936
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	60.402.858.033	20.537.497.046
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó	137	7	(13.579.922.436)	(13.596.081.384)
Tài sản ngắn hạn khác	150		13.025.250.003	12.188.050.104
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5	478.929.693	358.316.852
Thuế GTGT được khấu trừ	152		12.513.160.856	11.630.573.798
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	33.159.454	199.159.454
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		66.522.707.283	98.069.764.583
Các khoản phải thu dài hạn	210		10.061.700.000	10.053.700.000
Phải thu dài hạn khác	216	9	10.061.700.000	10.053.700.000
Tài sản cố định	220		42.621.934.424	45.708.374.648
Tài sản cố định hữu hình	221	11	42.621.934.424	45.708.374.648
- Nguyên giá	222		121.191.205.370	125.199.474.269
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(78.569.270.946)	(79.491.099.621)
Tài sản dở dang dài hạn	240	12	1.241.512.034	29.755.743.163
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.241.512.034	29.755.743.163
Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	11.432.820.000	11.432.820.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		11.432.820.000	11.432.820.000
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		1.000.000.000	1.000.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
Tài sản dài hạn khác	260		1.164.740.825	1.119.126.772
Chi phí trả trước dài hạn	261	5	1.164.740.825	1.119.126.772
TỔNG TÀI SẢN	270		212.146.243.168	187.786.906.990

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		44.883.639.493	38.982.989.919
Nợ ngắn hạn	310		44.883.639.493	38.982.989.919
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	28.645.429.841	27.867.361.654
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	13	2.964.258.961	386.917.729
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	2.993.665.435	96.882.861
Phải trả người lao động	314		651.356.809	285.347.300
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	14	384.976.213	171.640.618
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	9.243.952.234	10.171.441.510
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	3.398.247
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		167.262.603.675	148.803.917.071
Vốn chủ sở hữu	410	18	167.262.603.675	148.803.917.071
Vốn góp của chủ sở hữu	411		142.121.300.000	142.121.300.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		142.121.300.000	142.121.300.000
Cổ phiếu quỹ	415		(500.000.000)	(500.000.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		19.693.185.321	19.693.185.321
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		5.948.118.354	(12.510.568.250)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(12.510.568.250)	(22.540.799.818)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		18.458.686.604	10.030.231.568
TỔNG NGUỒN VỐN	440		212.146.243.168	187.786.906.990

Hà Nội, ngày 01 tháng 08 năm 2024

Người lập biểu

Vũ Đoàn Tuyết Ngân

Kế toán trưởng

Trần Thị Loan



Đinh Thị Việt Hà

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	74.563.435.296	67.405.500.423
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		74.563.435.296	67.405.500.423
Giá vốn hàng bán	11	21	71.214.889.245	71.887.837.192
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		3.348.546.051	(4.482.336.769)
Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	385.954.701	261.264.905
Chi phí tài chính	22	23	33.579.183	76.569.729
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	60.803.903
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	3.661.458.630	1.834.169.431
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		39.462.939	(6.131.811.024)
Thu nhập khác	31	26	21.322.940.259	954.440.558
Chi phí khác	32	27	102.113.172	-
Lợi nhuận khác	40		21.220.827.087	954.440.558
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		21.260.290.026	(5.177.370.466)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	2.801.603.422	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		18.458.686.604	(5.177.370.466)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	1.303	(366)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		1.303	(366)

Hà Nội, ngày 01 tháng 08 năm 2024

Người lập biểu

Vũ Đoàn Tuyết Ngân

Kế toán trưởng

Trần Thị Loan

Phó TGD phụ trách



Đinh Thị Việt Hà

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	1		21.260.290.026	(5.177.370.466)
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		3.086.440.224	3.277.171.487
Các khoản dự phòng	03		(16.158.948)	(376.376.314)
(Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	(5.584.852)
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05		(21.613.844.858)	(1.208.209.509)
Chi phí lãi vay	06		-	60.803.903
Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		2.716.726.444	(3.429.565.751)
(Tăng) các khoản phải thu	09		(44.379.506.434)	(2.708.809.419)
Giảm/(Tăng) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		219.112.156	3.035.276.810
(Tăng) chi phí trả trước	12		(166.226.894)	(240.360.084)
Tiền lãi vay đã trả	14		-	(70.821.007)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(58.187.600)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(3.398.247)	(292.652.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(41.613.292.975)	(3.765.119.051)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(6.333.000)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		55.361.029.631	1.116.000.000
Thu lãi tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		616.765.710	464.713.395
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		55.977.795.341	1.574.380.395

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		-	3.526.501.285
Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(7.149.000.694)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.640.526.000)	(160.750.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(2.640.526.000)	(3.783.249.409)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		11.723.976.366	(5.973.988.065)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4	13.649.104.395	14.506.238.174
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	4.431.976
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4	25.373.080.761	8.536.682.085

Hà Nội, ngày 01 tháng 08 năm 2024

Người lập biểu

Vũ Đoàn Tuyết Ngân

Kế toán trưởng

Trần Thị Loan

Phó TGDĐ phụ trách



Đinh Thị Việt Hà

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)***1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần VIMC Logistics là đơn vị thành viên thuộc Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam - Công ty Cổ phần. Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 04 năm 2021 của Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam thông qua việc đổi tên và logo Công ty thành Công ty Cổ phần VIMC Logistics. Công ty hoạt động theo giấy phép đăng ký kinh doanh số 0102345275 cấp lần đầu ngày 10/08/2007 được Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, thay đổi lần 15 ngày 04/05/2024.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Phòng 806, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần 15 của Công ty là 142.121.300.000 đồng, tương đương 14.212.130 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Số nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2024 là 95 người (tại ngày 31/12/2023 là 98 người).

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH:

Dịch vụ, thương mại.

1.3 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Dịch vụ tư vấn cho khách hàng về việc vận chuyển, giao nhận, lưu kho và các dịch vụ khác liên quan đến hàng hóa; Dịch vụ kiểm đếm hàng hóa; Dịch vụ giao nhận hàng hóa nội địa, hàng hóa xuất nhập khẩu; Dịch vụ kê khai hải quan; Bốc xếp hàng hóa; Dịch vụ Logistics; Vận tải đa phương thức;
- Vận tải hàng hóa đường sắt;
- Vận tải hàng hóa đường bộ;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh còn lại chưa phân vào đâu. Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.

1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

1.5 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Công ty Cổ phần VIMC Logistics tại Hải Phòng	Phòng 801, tầng 8 Tòa nhà Akashi, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ Logistics, vận tải đa phương thức
Chi nhánh Công ty Cổ phần VIMC Logistics tại Quảng Ninh	Số 1 đường Cái Lân, Khu kho bãi Vosa, Bãi Cháy, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	Dịch vụ Logistics, vận tải đa phương thức

CÔNG TY CỔ PHẦN VIMC LOGISTICS

Phòng 806, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh,
phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022
đến ngày 30/06/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**1.5 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Công ty Cổ phần VIMC Logistics tại Thành phố Hồ Chí Minh	P.403, 89A Lý Phục Man, Phường Bình Thuận, Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Dịch vụ Logistics, vận tải đa phương thức
Chi nhánh Công ty Cổ phần VIMC Logistics tại Lào Cai	Lô F9 - F10 Cụm Công nghiệp Đông Phố Mới, phường Phố Mới, TP. Lào Cai, tỉnh Lào Cai	Dịch vụ Logistics, vận tải đa phương thức
Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần VIMC Logistics tại Thành phố Móng Cái - tỉnh Quảng Ninh	Số 02, Hữu Nghị, Trần Phú, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	Dịch vụ Logistics, vận tải đa phương thức

1.6 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 đã được soát xét.

2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**2.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024

2.3 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do được thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND, theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

2.4 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này:

3.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc có tổ chức công tác kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Các giao dịch và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính.

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 CÁC NGHIỆP VỤ BẰNG NGOẠI TỆ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ bán niên sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

3.4 TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3.5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Sau khi ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)***3.5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng tác các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhận với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào báo cáo tài chính tại thời điểm được trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

3.6. CÁC KHOẢN NỢ PHẢI THU

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

3.7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Ngoại trừ, Máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất được trích theo phương pháp sản lượng/ số dư giảm dần, khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)***3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (TIẾP)**

Loại tài sản	Năm khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	10-25 năm
Máy móc thiết bị khác	03-20 năm
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06-10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-10 năm

3.8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

3.9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không có đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 12 tháng đến 36 tháng.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 12 đến 36 tháng.

3.10 CÁC KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên BCTC căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

3.11 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hoá kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

3.12 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản phải trả cho hàng hoá dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ tài chính nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí lãi tiền vay phải trả, chi phí chiết khấu,... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)***3.12 CHI PHÍ PHẢI TRẢ (TIẾP)**

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

3.13 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và phải xử lý ghi giảm vốn điều lệ trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phiếu theo quy định tại Điều 134 của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và Điều 36 của Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 06/12/2019, trừ các trường hợp được pháp luật cho phép bán ra ngay sau khi mua lại hoặc xử lý số dư cổ phiếu quỹ đã mua trước ngày 01/01/2021.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

3.14 DOANH THU

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- *Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;*
- *Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;*
- *Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;*
- *Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.*

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện sau:

- *Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;*
- *Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;*

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

3.15 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

3.16 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động trong đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

3.17 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty được áp dụng một mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là 20% đối với các hoạt động kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024.

Lợi nhuận chịu thuế được xác định dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh. Việc xác định lợi nhuận chịu thuế và chi phí thuế TNDN hiện hành căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Số thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện tại phải trả trong năm được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm sau khi trừ đi lỗ lũy kế từ những năm trước. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Việc xác định lợi nhuận chịu thuế và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.18 LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIMC LOGISTICS

Phòng 806, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh,
phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022
đến ngày 30/06/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.19 CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp trực tiếp hoặc gián tiếp qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các Công ty con và các Công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Theo đó, toàn bộ giao dịch và số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

3.20 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Trong kỳ, hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là hoạt động logistics tại Việt Nam nên Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	597.949.470	152.599.697
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	24.775.131.291	13.496.504.698
Cộng	25.373.080.761	13.649.104.395

5. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	478.929.693	358.316.852
- Chi phí bảo hiểm phương tiện vận tải	398.678.083	202.418.355
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	80.251.610	155.898.497
Dài hạn	1.164.740.825	1.119.126.772
- Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.164.740.825	1.119.126.772
Cộng	1.643.670.518	1.477.443.624

CÔNG TY CỔ PHẦN VIMC LOGISTICS

Phòng 806, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty liên kết	11.432.820.000	-	11.432.820.000	-
- Công ty TNHH Vinalines Honda Logistics Việt Nam	6.032.820.000	-	(*)	-
- Công ty Cổ phần Vinalines Hòa Lạc Logistics	5.400.000.000	-	(*)	-
Đầu tư vào đơn vị khác	1.000.000.000	(1.000.000.000)	1.000.000.000	(1.000.000.000)
- Công ty Cổ phần Vinalines Đông Bắc	1.000.000.000	(1.000.000.000)	(*)	(1.000.000.000)
Cộng	12.432.820.000	(1.000.000.000)	12.432.820.000	(1.000.000.000)

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Thông tin chi tiết về các Công ty liên kết, Công ty nhận đầu tư khác tại ngày 30/06/2024 như sau:

Đầu tư vào công ty liên kết

Tên Công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Vinalines Honda Logistics Việt Nam	Hà Nội	22,12%	22,12%	Kho bãi và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải
Công ty Cổ phần Vinalines Hòa Lạc Logistics	Hà Nội	36,00%	36,00%	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải
Đầu tư vào đơn vị khác				
Tên Công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Vinalines Đông Bắc	Hải Phòng	5,00%	5,00%	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải

CÔNG TY CỔ PHẦN VIMC LOGISTICS

Phòng 806, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024
đến ngày 30/06/2024

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Bên liên quan	1.557.327.647	-	1.145.608.179	-
- Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn	557.203.507	-	359.100.000	-
- Công ty TNHH Vinalines Honda Logistics Việt Nam	978.524.140	-	772.252.179	-
- Công ty Cổ phần Phát triển Hàng Hải	21.600.000	-	14.256.000	-
Bên khác	55.352.564.382	(13.579.922.436)	55.260.231.131	(13.596.081.384)
- Công ty TNHH Khoa học Công nghệ Kỹ thuật Ngân Hà	3.055.890.674	-	4.257.548.325	-
- Ning Ming Youxin Import And Export Trading Co, Ltd	3.297.618.637	-	2.055.910.050	-
- Công ty TNHH Billion Industrial Việt Nam	15.795.655.249	-	19.726.636.390	-
- Công ty Cổ phần vận tải Quốc Tế Hạ Long	2.306.429.640	-	1.395.129.960	-
- Công Ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Ngân Long	1.336.438.368	-	440.841.904	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	29.560.531.814	(13.579.922.436)	27.384.164.502	(13.596.081.384)
Cộng	56.909.892.029	(13.579.922.436)	56.405.839.310	(13.596.081.384)

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	3.492.377.495	-	532.732.936	-
- Công ty TNHH Cosco Shipping Lines (Việt Nam)	272.657.201	-	272.657.201	-
- Công ty TNHH Thương Mại và Dịch vụ Logistics Hải Long	800.000.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương Mại Sơn Vũ	1.483.200.000	-	-	-
- Các khoản trả trước cho người bán khác	936.520.294	-	260.075.735	-
Cộng	3.492.377.495	-	532.732.936	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VIMC LOGISTICS

Phòng 806, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

9. PHẢI THU KHÁC

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	60.402.858.033	-	20.537.497.046	-
- Phải thu về tiền tạm ứng	3.455.968.798	-	2.387.689.765	-
- Ký cược, ký quỹ	3.127.170.420	-	569.170.420	-
- Phải thu khác	53.819.718.815	-	17.580.636.861	-
+ Phải thu về Doanh thu chưa xuất hóa đơn	7.892.810.621	-	182.901.583	-
+ Phải thu về lãi tiền gửi	55.805.556	-	381.666.667	-
+ Phải thu về quỹ khen thưởng, phúc lợi NLD	1.914.507.873	-	-	-
+ Các khoản chi hộ làm hàng	7.875.554.180	-	6.689.279.724	-
+ Công ty Cổ phần Vinalines Hòa Lạc Logistics	324.126.585	-	324.126.585	-
+ Trung tâm phát triển quỹ đất TP Hà Long (*)	35.497.349.000	-	-	-
+ Công ty Cổ phần Tập đoàn Việt Phát	-	-	10.000.000.000	-
+ Các khoản phải thu khác	259.565.000	-	2.662.302	-
Dài hạn	10.061.700.000	-	10.053.700.000	-
- Ký cược, ký quỹ (**)	10.061.700.000	-	10.053.700.000	-
Cộng	70.464.558.033	-	30.591.197.046	-
Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan				
- Công ty Cổ phần Vinalines Hòa Lạc Logistics	324.126.585	-	324.126.585	-
	324.126.585	-	324.126.585	-

(*) Là khoản phải thu Trung tâm phát triển quỹ đất Thành phố Hà Long theo Biên bản làm việc ngày 19/10/2023 giữa Công ty Cổ phần VIMC Logistics; Trung tâm phát triển quỹ đất Thành phố Hà Long và Công ty TNHH Tổ chức nhà Quốc gia Quảng Ninh về việc rà soát, đối chiếu (Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng,...) để quyết toán hạng mục chi phí GPMB đã hình thành tại Dự án Khu dịch vụ hậu cần cảng Cái Lân tại phường Bãi cháy, thành phố Hà Long, Quảng Ninh (chi tiết xem thêm tại Thuyết minh số 11 - Chi phí xây dựng cơ bản dở dang).

(**) Bao gồm khoản ký quỹ theo quy định của Thông tư số 05/2014/TT-BCT ngày 27/01/2014 của Bộ Công thương quy định về hoạt động tạm nhập, tái xuất, chuyển khẩu, hàng hóa với giá trị là 10.000.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIMC LOGISTICS

Phòng 806, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

10. NỢ XẤU

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
- Công ty TNHH Nhựa Việt Lào	13.579.922.436	-	14.437.065.936	840.984.552
- Công ty Cổ phần Khoáng sản và Cơ khí	1.588.520.832	-	1.588.520.832	-
- Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Dịch vụ Bảo Minh	263.740.000	-	263.740.000	-
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ vận tải Đăng Nguyên	215.000.000	-	215.000.000	-
- Công ty TNHH Hồng Ngọc	39.700.000	-	39.700.000	-
- Khách hàng Tuấn Huyền	2.151.321.106	-	2.151.321.106	-
- Công ty Cổ phần sửa chữa tàu biển	225.436.100	-	225.436.100	-
- Công ty Cổ phần Nhà máy điện mặt trời Văn Giáo	245.805.831	-	245.805.831	-
- Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Trung Vũ	-	-	250.000.000	-
- Jo Bounmy Group Co.LTD	39.681.000	-	39.681.000	-
- Công ty TNHH Logistics Vinasea Global	4.412.569.960	-	4.920.069.960	840.984.552
- Các khoản phải thu khác	2.563.709.507	-	2.563.709.507	-
	1.834.438.100	-	1.934.081.600	-
Tổng	13.579.922.436	-	14.437.065.936	840.984.552

CÔNG TY CỔ PHẦN VIMC LOGISTICS

Phòng 806, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024.
đến ngày 30/06/2024

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

NGUYÊN GIÁ

- 01/01/2024
- Thanh lý, nhượng bán
30/06/2024

HAO MÒN LŨY KẾ

- 01/01/2024
- Khấu hao trong kỳ
- Thanh lý, nhượng bán
30/06/2024

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

- 01/01/2024
30/06/2024

Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
VND	VND	VND	VND	VND
59.823.613.764	30.275.074.096	33.692.663.506	1.408.122.903	125.199.474.269
-	-	(4.008.268.899)	-	(4.008.268.899)
59.823.613.764	30.275.074.096	29.684.394.607	1.408.122.903	121.191.205.370
(27.162.958.272)	(19.467.854.110)	(31.452.164.336)	(1.408.122.903)	(79.491.099.621)
(1.327.439.790)	(706.182.954)	(1.052.817.480)	-	(3.086.440.224)
-	-	4.008.268.899	-	4.008.268.899
(28.490.398.062)	(20.174.037.064)	(28.496.712.917)	(1.408.122.903)	(78.569.270.946)
32.660.655.492	10.807.219.986	2.240.499.170	-	45.708.374.648
31.333.215.702	10.101.037.032	1.187.681.690	-	42.621.934.424

- Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2024 là 15.396.830.588 VND (tại ngày 01/01/2024 là 19.405.099.487 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Xây dựng cơ bản	1.241.512.034	29.755.743.163
- Dự án Khu dịch vụ hậu cần cảng Cái Lân (*)	-	28.514.231.129
- Dự án mở rộng Cảng nội địa ICD Lào Cai (**)	1.241.512.034	1.241.512.034
Cộng	1.241.512.034	29.755.743.163

(*) Dự án Khu dịch vụ hậu cần cảng Cái Lân: Là chi phí đầu tư vào dự án Khu dịch vụ hậu cần cảng Cái Lân được thực hiện theo Văn bản số 4588/UBND-QH1 ngày 30/11/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc giao cho Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam thực hiện dự án Khu dịch vụ hậu cần cảng Cái Lân; Công ty Cổ phần Vinalines Logistics (nay đổi tên là Công ty cổ phần VIMC Logistics) được Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam giao làm Chủ đầu tư thực hiện dự án Khu dịch vụ hậu cần cảng Cái Lân theo Nghị quyết số 1347/NQ-HĐQT của HĐQT Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam ngày 20/09/2007 và UBND tỉnh Quảng Ninh đồng ý giao cho Công ty làm chủ đầu tư dự án Khu dịch vụ hậu cần cảng Cái Lân tại Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh tại văn bản số 4373/UBND-QH1 ngày 09/11/2009. Ngày 06/05/2015, Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam có Văn bản số 1200/HHVN-TC&QLVG về việc cho phép Công ty Cổ phần Vinalines Logistics tìm kiếm đối tác để thương thảo hợp tác kinh doanh nhằm thu hồi chi phí đã đầu tư cũng như tạo một phần quỹ đất xây dựng kho bãi phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Theo đó, Công ty đã ký các hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Tổ chức nhà Quốc gia Quảng Ninh và Công ty TNHH Happy Land Việt Nhật.

Theo Biên bản làm việc ngày 10/10/2022 giữa Công ty Cổ phần VIMC Logistics (VLG) và Công ty TNHH Tổ chức nhà Quốc gia Quảng Ninh (NHO QN). Hai bên thống nhất dừng thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2018/VNLL-NHOQN ký ngày 10/01/2018. NHOQN không có bất cứ khiếu kiện hay đòi bồi thường nào đối với VLG về việc dừng thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh này).

Theo Biên bản làm việc ngày 26/10/2021 giữa Công ty Cổ phần VIMC Logistics (VLG) và Công ty TNHH Happy land Việt Nhật (HPL). HPL không có bất cứ khiếu kiện hay đòi bồi thường nào đối với VLG về việc dừng thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh số 02/2018/VNLL-HPL ngày 07/8/2018 và hợp đồng hợp tác kinh doanh số 03/2018/VNLL-HPL ngày 15/11/2018.

Thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-VLG ngày 12/12/2022 của HĐQT Công ty về việc thống nhất hoàn trả số tiền mà Công ty TNHH Tổ chức nhà Quốc gia Quảng Ninh và Công ty TNHH Happy Land Việt Nhật đã tạm ứng theo các hợp đồng đã nêu ở trên, Công ty đã thực hiện hoàn trả số tiền tạm ứng cho Công ty TNHH Tổ chức nhà Quốc gia Quảng Ninh và Công ty TNHH Happy Land Việt đối với các hợp đồng dừng thực hiện (chi tiết xem thêm tại Thuyết minh số 17- Phải trả khác).

Theo Biên bản ghi nhớ về việc hỗ trợ một số khoản mục chi phí liên quan đến quá trình thực hiện dự án ngày 28/11/2023 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Việt Phát (VPG) và Công ty Cổ phần VIMC Logistics. VPG chấp thuận thanh toán cho Công ty các khoản kinh phí bù đắp, hỗ trợ chi phí liên quan đến dự án khi VPG được UBND tỉnh Quảng Ninh công bố là Nhà đầu tư trúng đấu giá quyền sử dụng đất để thực hiện dự án trung tâm thương mại tại phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long. Ngày 29/12/2023, UBND tỉnh Quảng Ninh đã công nhận kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất để thực hiện dự án *Trung tâm thương mại tại Phường Bãi Cháy thành phố Hạ Long* cho VPG theo Quyết định số 4122/QĐ-UBND. (chi tiết xem thêm tại Thuyết minh số 26 - Thu nhập khác)

CÔNG TY CỔ PHẦN VIMC LOGISTICS

Phòng 806, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh,
phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024
đến ngày 30/06/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG (TIẾP)

(**) Dự án mở rộng Cảng nội địa ICD Lào Cai: chi phí đầu tư vào dự án Đầu tư xây dựng cảng nội địa ICD Lào Cai được thực hiện theo quyết định số 1680/QĐ-UBND ngày 06/06/2016 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Lào Cai về việc điều chỉnh Dự án Đầu tư xây dựng cảng nội địa ICD Lào Cai. Dự án đã hoàn thành giai đoạn I, giai đoạn II và đưa vào khai thác sử dụng. Đối với giai đoạn III và giai đoạn IV, Công ty đang tiến hành lập hồ sơ điều chỉnh tổng thể dự án, bố trí lại các hạng mục dự án theo Quyết định số 3292/UBND-KT ngày 22/07/2020 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Lào Cai về việc điều chỉnh dự án Cảng nội địa ICD Lào Cai tại Khu công nghiệp Đông Phố mới và đã nhận được Công văn của BQL Khu kinh tế - UBND tỉnh Lào Cai phản hồi về hồ sơ ban đầu của Công ty cũng như yêu cầu hoàn thiện bổ sung hồ sơ. Chi phí dự án bao gồm chi phí lập báo cáo dự án đầu tư và lập báo cáo đánh giá tác động môi trường nhằm mục đích chuẩn bị thực hiện giai đoạn III và giai đoạn IV.

13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	2.964.258.961	386.917.729
- Công ty TNHH Khu công nghiệp Hải Hà Việt Nam	137.819.769	129.282.298
- HUALI LAO RARE EARTH SOLE CO.,LTD	2.643.399.192	-
- Công ty bảo hiểm BIDV Đông Đô	134.040.000	-
- Người mua trả tiền trước là đối tượng khác	49.000.000	257.635.431
Cộng	2.964.258.961	386.917.729

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Chi phí phải trả cước vận chuyển	384.976.213	171.640.618
Cộng	384.976.213	171.640.618

CÔNG TY CỔ PHẦN VIMC LOGISTICS

Phòng 806, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGÁN HẠN

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	6.514.068.532	6.514.068.532	5.375.191.697	5.375.191.697
- Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam- CTCP	894.652.375	894.652.375	277.034.100	277.034.100
- Công ty kho bãi VIMC Hải Phòng	4.379.763.167	4.379.763.167	4.433.253.837	4.433.253.837
- Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn	56.160.000	56.160.000	32.400.000	32.400.000
- Công ty cổ phần Phát triển Hàng Hải	1.183.492.990	1.183.492.990	632.503.760	632.503.760
Bên khác	22.131.361.309	22.131.361.309	22.492.169.957	22.492.169.957
- Công ty TNHH Thăng Lợi	2.747.603.862	2.747.603.862	1.296.015.322	1.296.015.322
- Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thương mại Dịch vụ Vận tải Hân Trang	3.314.443.600	3.314.443.600	1.863.662.800	1.863.662.800
- Công ty Cổ phần T&C	3.241.463.160	3.241.463.160	4.487.587.800	4.487.587.800
- Phải trả người bán là đối tượng khác	12.827.850.687	12.827.850.687	14.844.904.035	14.844.904.035
Cộng	28.645.429.841	28.645.429.841	27.867.361.654	27.867.361.654

CÔNG TY CỔ PHẦN VIMC LOGISTICS

Phòng 806, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	01/01/2024	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp/ khấu trừ trong kỳ	30/06/2024
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	2.425.000	3.944.163.741	3.945.500.745	1.087.996
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	2.635.603.422	-	2.635.603.422
- Thuế thu nhập cá nhân	6.129.186	118.503.439	120.973.308	3.659.317
- Thuế nhà đất, tiền thuế đất	88.328.675	353.314.700	88.328.675	353.314.700
- Các loại thuế khác	-	7.000.000	7.000.000	-
	96.882.861	7.058.585.302	4.161.802.728	2.993.665.435
Thuế và các khoản phải thu				
- Thuế giá trị gia tăng	33.159.454	-	-	33.159.454
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	166.000.000	166.000.000	-	-
	199.159.454	166.000.000	-	33.159.454

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINCM LOGISTICS

Phòng 806, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh,
phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024
đến ngày 30/06/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	9.243.952.234	10.171.441.510
- Kinh phí công đoàn	50.530.856	-
- Bảo hiểm xã hội	316.064.963	-
- Nhận ký quỹ, ký cược	515.000.000	435.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	8.362.356.415	9.736.441.510
+ Phải trả cổ tức	3.557.466.462	6.197.992.462
+ Phải trả, phải nộp khác	293.345.953	336.396.048
+ Công ty TNHH Happyland Việt Nhật (*)	202.053.000	202.053.000
+ Công ty TNHH Tổ chức nhà Quốc gia Quảng Ninh (*)	3.000.000.000	3.000.000.000
+ Công ty Cổ phần Tập đoàn Việt Phát (**)	1.309.491.000	-
Dài hạn	-	-
Cộng	9.243.952.234	10.171.441.510

(*) Khoản phải trả Công ty TNHH Happy Land Việt Nhật và Công ty TNHH Tổ chức nhà Quốc gia Quảng Ninh ứng trước theo hợp đồng hợp tác đầu tư liên quan đến dự án Khu dịch vụ hậu cần Cảng Cái Lân. Tuy nhiên, hợp đồng hợp tác đầu tư này đã dừng thực hiện và Công ty sẽ hoàn trả lại số tiền ứng trước này cho Happy Land Việt Nhật và Công ty TNHH Tổ chức nhà Quốc gia Quảng Ninh. (Chi tiết tại thuyết minh số 11 – Chi phí xây dựng cơ bản dở dang)

(**) Khoản phải trả Công ty Cổ phần Tập đoàn Việt Phát cấp để thực hiện thu hồi, đền bù giải phóng mặt bằng số tiền: 1.309.491.000 VND theo văn bản số 3709/PTQD ngày 11/11/2021 của Trung tâm phát triển quỹ đất Thành phố Hà Long

CÔNG TY CỔ PHẦN VIMC LOGISTICS

Phòng 806, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024
đến ngày 30/06/2024

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2023	142.121.300.000	(500.000.000)	19.693.185.321	(22.540.799.818)	138.773.685.503
- Lãi trong năm trước	-	-	-	10.030.231.568	-
31/12/2023	142.121.300.000	(500.000.000)	19.693.185.321	(12.510.568.250)	148.803.917.071
01/01/2024	142.121.300.000	(500.000.000)	19.693.185.321	(12.510.568.250)	148.803.917.071
- Lãi trong kỳ này	-	-	-	18.458.686.604	18.458.686.604
30/06/2024	142.121.300.000	(500.000.000)	19.693.185.321	5.948.118.354	167.262.603.675

CÔNG TY CỔ PHẦN VIMC LOGISTICS

Phòng 806, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh,
phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024
đến ngày 30/06/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**18.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**

	30/06/2024	Tỷ lệ	01/01/2024	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
- Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam- Công ty Cổ phần	80.616.200.000	56,72%	80.616.200.000	56,72%
- Các cổ đông khác	61.505.100.000	43,28%	61.505.100.000	43,28%
Cộng	142.121.300.000	100%	142.121.300.000	100%

18.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
	VND	VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	142.121.300.000	142.121.300.000
+ Vốn góp cuối kỳ	142.121.300.000	142.121.300.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả	2.640.526.000	160.750.000

18.4 CỔ PHIẾU

	30/06/2024	01/01/2024
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	14.212.130	14.162.130
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	14.212.130	14.212.130
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>14.212.130</i>	<i>14.212.130</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	50.000	50.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>50.000</i>	<i>50.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.162.130	14.162.130
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>14.162.130</i>	<i>14.162.130</i>
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

18.5 CÁC QUỸ CỦA CÔNG TY

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	19.693.185.321	19.693.185.321
	19.693.185.321	19.693.185.321

CÔNG TY CỔ PHẦN VIMC LOGISTICS

Phòng 806, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh,
phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024
đến ngày 30/06/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

19 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Tài sản thuê hoạt động		
Từ 1 năm trở xuống	2.895.018.638	5.317.553.404
Từ 1 năm đến 5 năm	-	-
b) Ngoại tệ các loại:		
- Dollar Mỹ (USD)	90.175,24	1.732,93

Cam kết thuê hoạt động:

Công ty ký hợp đồng thuê đất tại Khu Công nghiệp Đông Phố Mới, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai với Nhà nước để sử dụng cho mục đích xây dựng dự án. Diện tích khu đất này là 47.962 m², thời gian thuê từ 01/04/2008 đến 31/07/2055. Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm. Công ty được miễn tiền thuê đất trong thời gian 12 năm 3 tháng (từ ngày 01/04/2008 đến ngày 01/07/2020) theo Quyết định số 1073/QĐ-CT của Cục thuế tỉnh Lào Cai và được miễn tiền thuê đất trong thời gian 01 năm 9 tháng (từ tháng 10/2020 đến hết tháng 06/2022) theo Quyết định số 234/QĐ-BQL của UBND Tỉnh Lào Cai.

20 DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
	VND	VND
- Doanh thu cung cấp dịch vụ logistics	74.563.435.296	67.405.500.423
Cộng	74.563.435.296	67.405.500.423

Trong đó: Doanh thu với các bên liên quan

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 31.1)

21 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
	VND	VND
- Giá vốn cung cấp dịch vụ logistics	71.214.889.245	71.887.837.192
Cộng	71.214.889.245	71.887.837.192

Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 31.1)

22 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
	VND	VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	290.904.599	253.768.951
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	95.050.102	1.911.102
- Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ	-	5.584.852
Cộng	385.954.701	261.264.905

CÔNG TY CỔ PHẦN VIMC LOGISTICS

Phòng 806, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh,
phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024
đến ngày 30/06/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

23 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
- Chi phí lãi vay	-	60.803.903
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	33.579.183	13.620.393
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ	-	2.145.433
Cộng	33.579.183	76.569.729

24 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	3.661.458.630	1.834.169.431
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	88.861.157	180.418.353
- Chi phí nhân công	1.298.919.341	1.247.493.741
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	26.190.900	26.190.900
- Thuế, phí và lệ phí	360.314.700	7.000.000
- Hoàn nhập dự phòng	(16.158.948)	(376.376.314)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	950.195.967	329.743.440
- Chi phí bằng tiền khác	953.135.513	419.699.311
Cộng	3.661.458.630	1.834.169.431

25 CHI PHÍ THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
- Chi phí nguyên vật liệu	128.466.805	227.356.300
- Chi phí nhân công	6.300.235.823	6.506.420.840
- Khấu hao tài sản cố định	3.086.440.224	3.277.171.487
- Thuế, phí và lệ phí	360.314.700	7.000.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	63.595.586.422	62.635.759.408
- Chi phí bằng tiền khác	1.405.303.901	1.068.298.588
	74.876.347.875	73.722.006.623

26 THU NHẬP KHÁC

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
- Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	333.529.631	954.440.558
- Thu nhập từ hoàn trả dự án Cái Lân (*)	20.989.410.628	-
	21.322.940.259	954.440.558

CÔNG TY CỔ PHẦN VIMC LOGISTICS

Phòng 806, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh,
phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024
đến ngày 30/06/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

26 THU NHẬP KHÁC (TIẾP)

(*) Là khoản chênh lệch giữa tiền thu được từ khoản hỗ trợ kinh phí bù đắp, hỗ trợ chi phí liên quan đến án theo Biên bản ghi nhớ về việc hỗ trợ một số khoản mục chi phí liên quan đến quá trình thực hiện dự án ngày 28/11/2023 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Việt Phát (VPG) và Công ty Cổ phần VIMC Logistics với các chi phí liên quan đến Dự án Khu dịch vụ hậu cần cảng Cái Lân (“Dự án”) trong 6 tháng đầu năm 2024. Tổng kinh phí VPG đề xuất bù đắp cho Công ty 76.530.000.000 VND, đến thời điểm 30/06/2024, Công ty đã nhận được 55.000.000.000 VND (trong đó, đã ghi nhận năm 2023 với số tiền 10.000.000.000 VND và ghi nhận được trong 6 tháng đầu năm 2024 là 44.998.900.000 VND). Các chi phí liên quan đến Dự án trong 6 tháng đầu năm là 24.010.589.372 VND. (chi tiết xem thêm tại Thuyết minh số 11- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang).

27 CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
- Các khoản chi phí khác	102.113.172	-
	102.113.172	-

28 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	21.260.290.026	(5.177.370.466)
Các khoản điều chỉnh tăng	358.430.510	234.787.525
- Chi phí không được trừ	207.393.089	62.499.731
- Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục có gốc tiền tệ cuối kỳ trước	151.037.421	90.287.794
- Thù lao Hội đồng quản trị không trực tiếp điều hành	-	82.000.000
Các khoản điều chỉnh giảm	(16.158.948)	(376.376.314)
- Chi phí hoàn nhập dự phòng	(16.158.948)	(376.376.314)
- Cổ tức lợi nhuận được chia	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế trong kỳ	21.602.561.588	(5.318.959.255)
Lỗi tính lũy kế năm trước chuyển sang	(7.594.544.479)	
Thu nhập chịu thuế TNDN	14.008.017.109	
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.801.603.422	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VIMC LOGISTICS

Phòng 806, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh,
phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024
đến ngày 30/06/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

29 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
	VND	VND
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ Sổ bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kì (CP)	18.458.686.604 14.162.130	(5.177.370.466) 14.162.130
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	1.303	(366)

30 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên báo cáo tài chính này.

31 THÔNG TIN KHÁC**31.1 THÔNG TIN VỚI BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	Công ty mẹ
Chi nhánh Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam tại Hải Phòng	Cùng Tổng Công ty
Công ty Vận tải biển VIMC	Cùng Tổng Công ty
Công ty Vận tải biển Container VIMC - Chi nhánh Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam – CTCP	Cùng Tổng Công ty
Công ty TNHH Khai thác Container Việt Nam (Vinabridge)	Cùng Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn	Cùng Tổng Công ty
Chi nhánh Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải tại Thành phố Hồ Chí Minh	Cùng Tổng Công ty
Công ty kho bãi VIMC Hải Phòng	Cùng Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam (Vosco)	Cùng Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship	Cùng Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	Cùng Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn	Cùng Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng	Cùng Tổng Công ty
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hàng hải Hậu Giang	Cùng Tổng Công ty
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam- Đại lý Thương mại và Dịch vụ Hàng hải (Vitamas)	Cùng Tổng Công ty
Dịch vụ Hàng hải Phương Đông (Orimas) -Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam	Cùng Tổng Công ty
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Và Phát Triển Cảng Đình Vũ	Cùng Tổng Công ty
Công Ty TNHH Tiếp Vận SITC-Đình Vũ	Cùng Tổng Công ty
Công ty TNHH Vinalines Honda Logistics Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Vinalines Hòa Lạc Logistics	Công ty liên kết

CÔNG TY CỔ PHẦN VIMC LOGISTICS

Phòng 806, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh,
phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024
đến ngày 30/06/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

31 THÔNG TIN KHÁC**31.1 THÔNG TIN VỚI BÊN LIÊN QUAN**

Ngoài các thông tin về số dư với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ với các bên liên quan như sau:

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	6.147.271.458	5.989.953.461
- Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn	1.760.511.064	2.158.333.335
- Công ty TNHH Vinalines Honda Logistics Việt Nam	4.238.891.347	3.831.620.126
- Công ty Cổ phần Phát triển Hàng Hải	41.300.000	-
- Công ty Cổ phần Hàng Hải Đông Đô	106.569.047	-
Mua nguyên vật liệu, hàng hóa	7.529.070.792	4.496.123.921
- Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam- CTCP	562.038.577	353.763.126
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam - CTCP tại Hải Phòng	2.777.778	-
- Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam	17.251.852	-
- Công ty Vận tải biển VIMC	-	38.972.726
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam - CTCP -	4.158.134.553	3.521.717.478
- Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam (Vosco)	1.520.000	156.000.000
- Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	51.416.000	-
- Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn	52.000.000	60.000.000
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam- Đại lý Thương mại và Dịch vụ Hàng hải (Vitamas)	-	259.085.057
- Công ty Cổ phần Phát Triển Hàng Hải	2.619.213.904	-
- Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Và Phát Triển Cảng Đình Vũ	61.095.000	-
- Công Ty TNHH Tiếp Vận SITC-Đình Vũ	3.200.000	-
- Dịch vụ Hàng hải Phương Đông (Orimas) -Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam	423.128	106.585.534

CÔNG TY CỔ PHẦN VIMC LOGISTICS

Phòng 806, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh,
phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024
đến ngày 30/06/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

31 THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**31.1 THÔNG TIN VỚI BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)****Thu nhập của các thành viên chủ chốt**

		<u>Từ 01/01/2024</u>	<u>Từ 01/01/2023</u>
		<u>đến 30/06/2024</u>	<u>đến 30/06/2023</u>
Thu nhập của Hội đồng quản trị			
- Ông Mai Lê Lợi	Chủ tịch HĐQT	165.942.697	182.769.830
- Ông Nguyễn Hồng Thái	Thành viên HĐQT	25.704.000	24.000.000
- Ông Trịnh Vũ Khoa (*)	Thành viên HĐQT	-	14.000.000
- Ông Nguyễn Đình Tú	Thành viên HĐQT	14.994.000	24.000.000
- Ông Nguyễn Đăng Song	Thành viên HĐQT	25.704.000	10.000.000
- Ông Đỗ Đức Ân	Thành viên HĐQT	25.704.000	10.000.000
- Bà Dương Thu Hiền	Thành viên HĐQT	10.710.000	-

Thu nhập của Ban Kiểm soát

- Bà Trần Thị Thanh Thủy (*)	Trưởng BKS	-	14.000.000
- Bà Nguyễn Thị Hằng	Trưởng BKS	10.710.000	-
- Bà Nguyễn Thị Hồng Dung	Trưởng BKS	14.994.000	10.000.000
- Bà Dương Thu Hiền	Thành viên BKS	12.316.500	18.000.000
- Bà Đỗ Lan Hương	Thành viên BKS	12.316.500	18.000.000
- Bà Nguyễn Thị Hà Trang	Thành viên BKS	8.797.500	-
- Bà Vũ Lan Phương	Thành viên BKS	8.797.500	-

Thu nhập của Ban Giám đốc, người quản lý khác

- Ông Trần Quang Toàn (*)	Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT	-	113.823.386
- Ông Phạm Bá Ngân	Phó Tổng Giám đốc	81.628.927	117.790.787
- Bà Đinh Thị Việt Hà	Phó Tổng Giám đốc	157.951.890	128.806.212
- Ông Đoàn Ngọc Tú	Phó Tổng Giám đốc	93.404.836	-
- Bà Trần Thị Loan	Kế toán trưởng	114.041.951	114.013.462

(*) Trong kỳ, các cá nhân này không còn là bên liên quan do đã bị miễn nhiệm chức vụ trong năm 2023.

31.2 NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Không có khoản nợ tiềm tàng nào khác phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

31.3 THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIMC LOGISTICS

Phòng 806, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh,
phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024
đến ngày 30/06/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

31.4 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty Cổ phần VIMC Logistics đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Công ty Cổ phần VIMC Logistics đã được soát xét.

Hà Nội, ngày 01 tháng 08 năm 2024

Người lập biểu

Vũ Đoàn Tuyết Ngân

Kế toán trưởng

Trần Thị Loan

Phó TGD phụ trách



Đinh Thị Việt Hà

